

Tuần 1 - 2

Tiết: 01 + 02

Đọc văn:

VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH
- Trích *Thượng kinh kí sự* - Lê Hữu Trác -

NỘI DUNG CẦN ĐẠT

I. ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả Lê Hữu Trác (1720? – 1791)

- Hiệu: Hải Thượng Lãn Ông

- Là một danh y, không chỉ chữa bệnh mà còn soạn sách và mở trường dạy nghề thuốc để truyền bá y học.

2. Thượng kinh kí sự

- Tập kí sự bằng chữ Hán, viết năm 1782, hoàn thành năm 1783 khắc in 1885.

- Tả quang cảnh ở Kinh đô, cuộc sống xa hoa trong phủ chúa và quyền uy, thế lực của nhà chúa

3. Đoạn trích: Tác giả vào phủ để bắt mạch, kê đơn cho thế tử Trịnh Cán

- Thể loại:

Thể kí sự là những thể văn xuôi ghi chép những câu chuyện, sự việc, nhân vật có thật và tương đối hoàn chỉnh.

- Bố cục:

+ Phần 1 (từ đầu đến để tôi xem mạch Đông cung cho thật kĩ): Quang cảnh trong phủ chúa Trịnh

+ Phần 2 (còn lại): Quá trình bắt mạch kê đơn và suy nghĩ của tác giả

II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN

1. Quang cảnh và cung cách sinh hoạt trong phủ chúa.

*** Quang cảnh trong phủ chúa**

- Qua nhiều lần cửa...hành lang quanh co... ở mỗi cửa đều có vệ sĩ canh gác...có “điểm” “hậu mã quân túc trực” ,“cây cối um tùm...”

- Cách bài trí, trang trí: Nhà đại đường, quyền bồng, gác tía với kiệu son vồng diều, đồ nghi trượng son son thép vàng ...

- Căn phòng nơi Trịnh Cán và Trịnh Sâm ở phải đi qua 5,6 lần trướng gấm. Trong phòng thấp nền, có sập thép vàng, ghé rồng son son thép vàng ... xung quanh ngời hào đứng hầu hai bên

=>) Quang cảnh phủ chúa cực kì tráng lệ, lộng lẫy, không đâu sánh bằng, biểu hiện một đời sống xa hoa, cầu kì khác với cuộc sống bình thường.. khung cảnh vàng son song tù hãm, thiếu sinh khí, ngột ngạt

*** Cung cách sinh hoạt trong phủ chúa.**

- Khi tác giả lên cang vào phủ theo lệnh chúa thì có “tên đầy tớ chạy đằng trước hét đường” và “cang chạy như ngựa lồng”.

- Trong phủ chúa “Người giữ cửa truyền bá rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi”.

- Bài thơ...

- Những lời lẽ nhắc đến chúa Trịnh và thế tử đều phải hết sức cung kính, lễ độ.

- Chúa Trịnh luôn luôn có “phi tần châu chực” xung quanh.
- T/g làm theo mệnh lệnh của chúa do quan Chánh đường truyền đạt lại; xem bệnh xong chỉ được viết tờ khai để quan Chánh đường dâng lên chúa.
- Nội cung trang nghiêm
- Thế tử bị bệnh có đến 7,8 thầy thuốc phục dịch. Khi vào xem bệnh, tác giả - một cụ già - phải quỳ lạy. Muốn xem thân hình của thế tử phải có một viên quan nội thành đến xin phép được cởi áo cho thế tử.

—> ***Cao sang, quyền uy tột đỉnh cùng với cuộc sống xa hoa đến cực điểm và sự lộng uyển của nhà chúa. Mặc dù khen cái đẹp, cái sang nơi phủ chúa song tác giả tỏ ra dửng dưng và cả sự mỉa mai.***

- Khi tác giả lên cáng vào phủ theo lệnh chúa thì có “tên đầy tớ chạy đằng trước hết đường” và “cáng chạy như ngựa lồng”.
- Trong phủ chúa “Người giữ cửa truyền bá rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi”.
- Bài thơ...
- Những lời lẽ nhắc đến chúa Trịnh và thế tử đều phải hết sức cung kính, lễ độ.
- Chúa Trịnh luôn luôn có “phi tần châu chực” xung quanh.
- T/g làm theo mệnh lệnh của chúa do quan Chánh đường truyền đạt lại; xem bệnh xong chỉ được viết tờ khai để quan Chánh đường dâng lên chúa.
- Nội cung trang nghiêm
- Thế tử bị bệnh có đến 7,8 thầy thuốc phục dịch. Khi vào xem bệnh, tác giả - một cụ già - phải quỳ lạy. Muốn xem thân hình của thế tử phải có một viên quan nội thành đến xin phép được cởi áo cho thế tử.

—> ***Cao sang, quyền uy tột đỉnh cùng với cuộc sống xa hoa đến cực điểm và sự lộng uyển của nhà chúa. Mặc dù khen cái đẹp, cái sang nơi phủ chúa song tác giả tỏ ra dửng dưng và cả sự mỉa mai.***

2. Nhân cách, con người Lê Hữu Trác

- Trước phủ Chúa:
 - + Ngõ ngang, kinh ngạc, choáng ngợp ngỡ như mình lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh “Cả trời Nam sang nhất là đây; Những việc trong phủ Chúa là mình chỉ mới nghe nói thôi; Cảnh giàu sang của vua chúa thực khác hẳn người thường...”
 - + Tự nhận mình là kẻ quê mùa “Quê mùa cung cấm chưa quen; Tôi bấy giờ mới biết phong vị của nhà đại gia; Tôi là kẻ ở nơi quê mùa...”
 - + E ngại, khép nép, mất tự nhiên “Tôi nín thở đứng chờ ở xa; Tôi khúm núm đến trước sập xem mạch...”
- Thái độ dửng dưng, không đồng tình với cách sống xa hoa, hưởng thụ của nhà Chúa. Cảnh tuy đẹp nhưng lòng người không vui
- Đối với con bệnh thế tử:
 - + Nhìn qua đoán được bệnh của thế tử “Đó là vì thế tử...thương tổn quá mức”
 - + Không đồng tình với không gian sống của thế tử “Bên trong tối om, không thấy có cửa ngõ gì”
 - + Đánh giá thế tử là đứa trẻ chưa hiểu chuyện “Ông này lạy khéo”
- Tài năng, có kiến thức sâu rộng và dày dặn kinh nghiệm
- Đối với những kẻ tham công danh:
 - + Với ông họ là những kẻ ngu dốt “Dùng thứ thuốc công phạt...”
 - + Luồn cúi, nịnh nọt “Quan chánh đường đến...Mọi người ngồi theo thứ tự”

→ Ông là người trung thực thẳng thắn, ghét lối sống xu nịnh. Thảng thối chỉ ra sai lầm trong cách chữa trị của họ và kiên định giữ vững lập trường của mình

- Đòi hỏi việc chữa trị cho thế tử:

+ Lúc đầu: ông định dùng phương thuốc hòa hoãn vì sợ công danh ràng buộc “Nếu làm có kết quả ngay... làm sao về núi được”

+ Sau đó: Quyết định đưa ra phương thuốc đúng đắn, kiên trì giải thích cho các lương y của sáu cung, lục viện hiểu

→ Xem thường danh lợi, phú quý, yêu tự do và nếp sống thanh đạm. Bên cạnh đó ông còn có phẩm chất khiêm tốn, khiêm nhường. Là một thầy thuốc có lương tâm và đức độ

3. Nét đặc sắc trong bút pháp kí sự

- Quan sát tỉ mỉ, ghi chép trung thực, tả cảnh sinh động, kể diễn biến sự việc sinh động, tạo nên được chất hiện thực của tác phẩm.

- Nghệ thuật trần thuật hấp dẫn, chân thực, dí dỏm

- Kết hợp giữa văn xuôi và văn vần làm tăng chất trữ tình, góp phần thể hiện kín đáo thái độ của người viết

- Ngôn ngữ linh hoạt

III. TỔNG KẾT

Bằng tài quan sát tinh tế và ngòi bút ghi chép chi tiết chân thực, tác giả đã vẽ lại bức tranh sinh động về cuộc sống xa hoa quyền quý của chúa Trịnh. Đồng thời bộc lộ thái độ coi thường danh lợi.

Tiết 03- 04

Đọc văn:

TỰ TÌNH(II) - Hồ Xuân Hương -

NỘI DUNG CẦN ĐẠT

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

- Quê làng Quỳnh Đôi, tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng long

- Cuộc đời, duyên tình ngang trái, éo le. Hai lần làm lẽ, nhưng cuối đời vẫn sống trong cô độc.

- HXH thông minh, xinh đẹp đi nhiều giao thiệp rộng (nhiều người nổi tiếng như Nguyễn Du).

- Tính cách phóng khoáng, tài hoa, cá tính sắc sảo.

* Sự nghiệp: Sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm.

- Tập Lưu hương kí (24 bài thơ chữ Hán và 26 bài thơ chữ Nôm)

- Tư tưởng sáng tác thể hiện lòng thương cảm đối với người phụ nữ, khẳng định vẻ đẹp và khát vọng của họ. Nghệ thuật thơ đậm chất dân gian, trào phúng, tự tình.

2. Tác phẩm

- Tự tình II nằm trong chùm *Tự tình*, tập trung thể hiện cảm thức về thời gian và tâm trạng buồn tủi, phản uất và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc.

- **Thể thơ** : “Thất ngôn bát cú Đường luật”

- Bố cục: 4/4

II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN

1. Nỗi buồn trong cảnh cô đơn, trơ trọi

a. Hai câu đề

- Thời gian: đêm khuya

- Không gian: rộng lớn (nước non) với bước đi dồn dập của thời gian “tiếng trống canh dồn”

→ Không gian, thời gian đặc biệt phù hợp để nhân vật trữ tình bộc bạch nỗi niềm tâm sự

- Từ láy: “Văng vẳng” tiếng trống canh gấp gấp liên hồi, chỉ bước đi dồn dập của thời gian và sự rôi rời của tâm trạng.

- Đảo ngữ “trơ”:

+ Sự trơ trọi cô đơn

+ Sự bẽ bàng tủi hổ

+ Sự thách thức của HXH đối với cuộc đời

- Ngắt nhịp: 1/3/3 kết hợp đối (Hồng nhan >< nước non). Đặc biệt cách dùng từ cái (từ chỉ đồ vật gọi sự rẻ rúng, mỉa mai. Trơ cái hồng nhan → nỗi xót xa bẽ bàng, đồng thời thể hiện bản lĩnh của tác giả với hiện thực xã hội)

→ Hai câu đề: Tâm trạng cô đơn, thân phận rẻ rúng, bạc bẽo, bẽ bàng đầy cay đắng, xót xa của kẻ hồng nhan; là một sự thách thức đầy bản lĩnh của HXH.

b. Hai câu thực

- Đối: “Say lại tỉnh” gọi lên cái vòng quẩn quanh, tình duyên trở thành trò đùa của con tạo, càng say càng tỉnh càng cảm nhận nỗi đau của thân phận

→ Mượn rượu để quên hiện tại nhưng “say lại tỉnh” - quên rồi lại nhớ → càng rã rời chán chường, càng say lại càng cảm nhận được hiện tại, càng chua chát, đau xót về thân phận bạc bẽo, hẩm hiu.

- Hai câu đối thanh nghịch ý: Người say lại tỉnh >< trăng khuyết vẫn khuyết

- Ẩn dụ: *Vàng trăng bóng xế* tuổi xuân đi qua mà hạnh phúc vẫn chưa trọn vẹn

→ *Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn*: cảnh và người đồng nhất. Trăng sắp tàn mà vẫn chưa tròn cũng như tác giả tuổi xuân đã trôi qua mà tình duyên vẫn chưa trọn vẹn, chịu cảnh phận hẩm duyên ôi, ngậm ngùi cay đắng về số phận bản thân.

2. Thái độ vẫy vùng của HXH

a. Hai câu luận

- Sử dụng động từ mạnh: xiên ngang - đâm toạc

- Nghệ thuật đảo ngữ

→ Những sinh vật nhỏ bé “*rêu, đá*” hèn mọn song không chịu mềm yếu mà “xiên ngang mặt đất, đá phải vuron lên để đâm toạc chân mây → sự phản uất phản kháng của thiên nhiên cũng như tâm trạng.

→ Sức sống mãnh liệt ngay cả trong tình cảnh bi thương nhất.

b. Hai câu kết

- *Ngán*: chán ngán, ngán ngẩm nỗi đời éo le, bạc bẽo.

- *Xuân*: mùa xuân, tuổi xuân. → mùa xuân có sự tuần hoàn còn tuổi trẻ một đi không trở lại.

- Điệp từ: lại

+ Trở lại

+ Lặp lại

→ Sự mất mát của tuổi xuân, vòng luẩn quẩn bế tắc của đời người

- Nghệ thuật tăng tiến: *Mảnh tình*: nhỏ bé lại còn phải “san sẻ” thành ra ít ỏi chỉ còn tí con con nên càng xót xa tội nghiệp.

=> Hai câu thơ là lời than thân trách phận của người phụ nữ mang thân đi làm lẽ, bạc bẽo, trớ trêu. Đó là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội xưa, với họ hạnh phúc chỉ là cái chăn quá hẹp.

III. Ý NGHĨA VĂN BẢN

- Về nghệ thuật: từ ngữ giản dị mà đặc sắc, hình ảnh giàu sức gợi cảm.

- Về nội dung: Bài thơ nói lên bi kịch cũng như khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương.

Tiết 05-06

Đọc văn:

CÂU CÁ MÙA THU

- *Nguyễn Khuyến* -

NỘI DUNG CẦN ĐẠT

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

a. Cuộc đời:

- Nguyễn Khuyến (1835-1909), hiệu Quế Sơn, lúc nhỏ tên Nguyễn Thắng.

- Sinh ở quê ngoại : xã Hoàng Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ; Sống chủ yếu ở quê nội : Làng Và, xã Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đỗ đầu ba kì thi nên được gọi là «Tam nguyên Yên Đổ».

- Là người tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân.

b. Sự nghiệp:

- Sáng tác của Nguyễn Khuyến gồm cả chữ Hán và chữ Nôm, hiện còn trên 800 bài (chủ yếu là thơ).

- Nội dung :

+ Tình yêu quê hương, đất nước, gia đình, bè bạn.

+ Cuộc sống của người nông dân khổ cực, chất phác.

+ Châm biếm, đả kích thực dân xâm lược, bọn tay sai.

→ Đóng góp nổi bật ở mảng thơ Nôm với hai đề

tài : thơ viết về làng quê và thơ trào phúng.

2. Bài thơ “Câu cá mùa thu”:

- **Vị trí, đề tài, hoàn cảnh sáng tác bài thơ:**

+ Vị trí : Bài thơ “ Mùa thu câu cá “ một trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến.

+ Đề tài: Viết về đề tài mùa thu – đề tài quen thuộc.

+ Hoàn cảnh sáng tác: Viết trong thời gian khi Nguyễn Khuyến về ở ẩn tại quê nhà.

- **Bố cục:** 6/2

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN :

1. Cảnh thu:

a. Hai câu đề

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo

- Điểm nhìn từ trên thuyền câu -> nhìn ra mặt ao nhìn lên bầu trời -> nhìn tới ngõ vắng -> trở về với ao thu.
- Cảnh thu được đón nhận từ gần -> cao xa -> gần. Cảnh sắc thu theo nhiều hướng thật sinh động với hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối, hài hòa.
- Mang nét riêng của cảnh sắc mùa thu của làng quê Bắc bộ: Không khí dịu nhẹ, thanh sơ của cảnh vật:
 - Từ một khung ao hẹp, không gian mùa thu, cảnh sắc mùa thu mở ra với hình ảnh làn nước trong veo và lạnh lẽo -> Tăng thêm độ buồn mùa thu.
- Không khí mùa thu được gọi lên từ sự thanh sơ, dịu nhẹ của cảnh vật .
- Ao thu lạnh lẽo còn là mùa thu của lòng người buồn.
- Mùa thu được miêu tả rất tài tình : chiếc thuyền câu vốn đã bé càng bé “ Tẻo teo”. Cách gieo vần *eo* làm cho không gian càng thêm thu nhỏ lại, cảnh ao thu càng thêm vắng lặng.
 - Hai câu thơ giới thiệu mùa thu với hai hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối, hài hoà, bộc lộ rung cảm của tâm hồn thi sĩ trước cảnh đẹp.

b. Hai câu thực :

“Sóng biếc theo làn hơi gợn tí

Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo”

- Màu sắc: Xanh biếc của sóng hòa sắc vàng của lá hòa thành sắc thu. Sắc vàng của chiếc lá đâm ngang tạo nên bức tranh thu sinh động, không đơn điệu giữa sắc xanh chủ đạo.
- Chuyển động: nhẹ nhàng, khẽ khàng “hơi gợn, khẽ đưa” tô đậm cái tĩnh lặng của mùa thu.
 - Hình ảnh đối: sóng biếc >< Lá vàng...; hơi gợn tí >< khẽ đưa vèo không chỉ tả cảnh mà còn gợi tâm trạng - nỗi buồn băng khuâng trước cảnh mùa thu, trước sự trôi đi của thời gian, sự đổi thay của thời thế.
 - Không gian tĩnh lặng gợi sự cảm nhận về một nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong tâm hồn nhà thơ.

c. Hai câu luận :

“Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo”

- Không gian mở rộng nhiều chiều: Chiều cao, chiều sâu nhấn mạnh sự vắng vẻ (Vắng tiếng, vắng người, không một bóng dáng) không gian càng trở nên tĩnh lặng.
- Từ láy “lơ lửng” diễn tả trạng thái dửng dăng, có trôi nhưng lại rất khẽ, rất thờ ơ của những đám mây. Dường như mùa thu cả không gian đất trời, cảnh sắc đều như trôi chậm lại.
 - Hình ảnh “ngõ trúc” hiện lên thật hoang vắng. Từ láy “quanh co” cùng “vắng teo” thể hiện một con ngõ ngoằn ngoèo, quanh co và không một bóng khách, gợi sự cô đơn, heo hút, man mác buồn.
 - "Xanh ngắt" là xanh mà có chiều sâu. Trời thu không mây (mây xám), mà xanh ngắt một màu thăm thẳm. Xanh ngắt đã gợi ra cái sâu, cái lắng của không gian, cái nhìn vời vợi của nhà thơ, của ông lão đang câu cá.
 - Hình ảnh: Ngõ trúc quanh co

2. Tình thu

“Tựa gối buông cần lâu chẳng được

Cá đâu đớp động dưới chân bèo ”

- Tiếng cá đớp mồi càng làm nổi bật sự yên ắng, tĩnh mịch của cảnh vật.

- Câu thơ cuối có hai cách hiểu :

+ Phủ định : đâu có cá.

+ Khẳng định : cá đớp mồi đâu đó.

→ Cách hai hợp lí hơn: đó là nghệ thuật lấy động nói tĩnh trong nghệ thuật cổ

Nói câu cá nhưng thực ra là để đón nhận trời thu, cảnh thu vào cõi lòng :

→ Qua bức tranh câu cá mùa thu, ta cảm nhận được tấm lòng gắn bó với quê hương đất nước, một tấm lòng yêu nước thầm kín.

III. TỔNG KẾT

Bài thơ thể hiện sự cảm nhận tinh tế của Nguyễn Khuyến về cảnh sắc mùa thu đồng bằng Bắc Bộ và tình yêu thiên nhiên, đất nước, tâm trạng u buồn của tác giả trước thời thế.

Nghệ thuật :

- Ngôn ngữ trong sáng, giản dị, có khả năng diễn đạt những biểu hiện rất tinh tế của sự vật và những uẩn khúc thầm kín khó giải bày của tâm trạng.

- Sử dụng vần *eo* (từ vận) tài tình : dùng vần để biểu đạt nội dung, diễn tả không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, phù hợp với nội tâm đầy uẩn khúc.

- Thể hiện được nét đặc sắc của nghệ thuật thơ Đường : lấy động nói tĩnh.